

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-11-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Thắng;
Bà Vy Thị Bằng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M), sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn K, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Bạch Ánh T - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn K, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày: Chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H quen biết nhau, tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1999. Do không hiểu biết nên cả hai không đi đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với nhau thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến năm 2014 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, trong cách giáo dục, chăm sóc con cái, anh Đặng Văn H có những hành vi bạo lực gia đình, có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị và con. Tháng 9 năm 2020 hai người đã sống ly thân đến nay, việc ai nấy làm, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình, hàng xóm động viên, khuyên giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được. Đến nay chị Triệu Thị N xác định tình cảm vợ chồng với anh Đặng Văn H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Hữu Q, sinh ngày 03-3-2000 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân và Đặng Thị Phương T, sinh ngày 26-01-2003, đối với cháu Đặng Thị Phương T chị Triệu Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Đặng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn anh Triệu Văn H trình bày: Điều kiện kết hôn như chị Triệu Thị N trình bày là đúng, hai người kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tự tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục tập quán, nhưng cả hai không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được tình cảm. Mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2014, anh Đặng Văn H thừa nhận nhiều khi nóng lên có những hành động bạo lực với chị Triệu Thị N. Việc mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, hàng xóm khuyên giải nhưng không cải thiện được. Tháng 9 năm 2020 cả hai đã sống ly thân, từ khi sống ly thân cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chung sống với nhau được. Anh Đặng Văn H nhất trí với yêu cầu của chị Triệu Thị N, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Hữu Q, sinh ngày 03-3-2000 đã trưởng thành và Đặng Thị Phương T, sinh ngày 26-01-2003, đối với cháu Đặng Thị Phương T, chị Triệu Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho tới tuổi trưởng thành anh Đặng Văn H hoàn toàn nhất trí, chị Triệu Thị N không yêu cầu anh Đặng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con anh đồng ý.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Bạch Ánh T phát biểu ý kiến: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ như sau: Về điều kiện kết hôn, do chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận vợ chồng; về con chung: Có 02 con chung, trong đó con

traí lớn đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự không xem xét giải quyết, con thứ hai là Đặng Thị Phương T, sinh ngày 26-01-2003 tại biên bản hòa giải anh chị đã thống nhất thỏa thuận chị Triệu Thị N có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Đặng Thị Phương T tới tuổi trưởng thành, anh Đặng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có; về án phí: Chị Triệu Thị N thuộc dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí ly hôn, đã có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình xem xét theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thủ tục phiên tòa được thực hiện đúng, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt theo giấy triệu tập. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H chung sống với nhau từ năm 1999 đến năm 2020 nhưng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H. Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Hữu Q, sinh ngày 03-3-2000 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, vì vậy đề nghị không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Đặng Thị Phương T, sinh ngày 26-01-2003 chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H tự nguyện thỏa thuận chị Triệu Thị N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh Đặng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 15; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị công nhận thỏa thuận này. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có. Về án phí xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, nhưng trên thực tế họ đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến thời điểm Tòa án tiến hành thụ lý vụ án tháng 10 năm 2020 và có hai người con chung. Do đó, chị Triệu Thị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn anh Đặng Văn H theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn H, cư trú tại: Thôn K, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ việc. Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đều quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Do chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H chưa được xác lập. Nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm yêu cầu để giải quyết.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Triệu Thị N: Theo như lời khai và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là nơi thường trú của nguyên đơn, bị đơn được biết từ năm 1999 đến năm 2020 anh Đặng Văn H chị Triệu Thị N không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, vì vậy xác định chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là có cơ sở, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi giải quyết ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H.

[5] Về con chung: Chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H có 02 người con chung là Đặng Hữu Q, sinh ngày 03-3-2000 đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và cháu Đặng Thị Phương T, sinh ngày 26-01-2003, tại Biên bản hòa giải ngày 26-10-2020 chị Triệu Thị N và anh Đặng Văn H đã thống nhất thỏa thuận chị Triệu Thị N có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Thị Phương T đến tuổi trưởng thành, hơn nữa hiện nay chị Triệu Thị N là người trực tiếp chăm lo cho cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu Đặng Thị Phương T, tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng của cháu Đặng Thị Phương T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần công nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Đặng Thị Phương T cho chị Triệu Thị N được

quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tới tuổi trưởng thành là có căn cứ. Anh Đặng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Triệu Thị N chưa yêu cầu.

[6] Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Triệu Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn đề nghị xin được miễn án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hoàn trả lại cho chị Triệu Thị N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0001419 ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M) và anh Đặng Văn H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M) và anh Đặng Văn H. Chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M) được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Thị Phương T, sinh ngày 26-01-2003 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M) chưa yêu cầu.

Anh Đặng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M) là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả lại cho chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M)

số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0001419 ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị N (tức Triệu Thị M) và anh Đặng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình;
- CCTHADS h L;
- Đường sự.....;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền